

Chuyện trò với con

* trần thế đức



Thời gian đi qua thật nhanh. Mới ngày nào chúng ta còn là những cậu bé thơ ngây dưới mái trường trung học Chu Văn An yêu dấu mà nay con cái chúng ta cũng đã ở vào lứa tuổi đó rồi, hay cũng có cháu nội, cháu ngoại đến tuổi đi học. Những lúc rỗi rảnh, ngồi nói chuyện với con, con tôi muốn biết hồi xưa bố mẹ nó sống ra sao, kể cả chuyện học hành của bố mẹ vào thời cùng tuổi với chúng hiện nay. Riêng tôi, có nhiều điều dưới mái trường Chu Văn An mà con tôi muốn biết, xin thuật lại đôi điều chuyện trò giữa bố con tôi.

- *Bố ơi, con vẫn nghe bố nhắc đến trường trung học Chu Văn An của bố. Bố cho con biết vào thời bố đi học, muốn làm thầy giáo thì phải có những điều kiện nào?*

- Sống ở Úc, mọi thứ đều đầy đủ, con khó tưởng tượng được những khó khăn mà người Việt mình phải trải qua vào thời trước, trong đó có thời thơ ấu của bố. Vào thời đó, kiếm được người có đủ chữ để dạy cho người khác đã là khó, lấy đâu ra thầy đủ trình độ chuyên môn về sư phạm (ngày nay, ở Úc người ta thường dùng từ *giáo dục*, chứ ít dùng

từ *sư phạm*). Do chế độ thực dân kìm hãm sự mở mang dân trí của dân ta, do đa số dân ta nghèo nên cha mẹ không có tiền cho con cái đi học xa làng xã, do hoàn cảnh đất nước chiến tranh, nên vào thời đó, có được mảnh bằng tú tài hai là giỏi lắm rồi, có thể đi dạy trung học được rồi. Việc đào tạo giáo chức có khả năng sư phạm để dạy trung học do các trường cao đẳng sư phạm thuộc viện đại học Sài Gòn và Huế đảm trách, mỗi năm cho ra trường với số lượng rất ít (vài chục người). Còn cấp tiểu học chỉ có hai trường sư phạm ở Sài Gòn và Qui Nhơn, sau này có thêm một trường nữa ở Long An. Dần dần, việc đào tạo các thầy cô giáo bậc trung học được nâng cao lên với các phân khoa đại học sư phạm thuộc các viện đại học Sài Gòn, Huế và Đà Lạt.

Trường trung học Chu Văn An của bố cũng nằm trong hoàn cảnh chung đó. Các thầy của bố có được mảnh bằng tú tài hai là quý rồi. Bố nói thầy chứ không nói cô, vì hầu hết các giáo sư Chu Văn An đều là nam giới, đến năm 1962 mới có một cô. Có thầy có thêm một hai chứng chỉ ở đại học văn khoa hay khoa học, và đang tiếp tục học thêm. Bố còn nhớ lúc bố học đệ ngũ (1958-59), các bạn bố là Nguyễn Viết Hùng và Nguyễn Phúc Thành ở gần nhà thầy N.V.L., vào lớp phao một tin cho cả lớp biết một bí mật về các thầy: thầy L. và một số thầy khác học hành chăm chỉ quá, tối nào cũng học tới khuya. Các thầy đang học để lấy bằng cử nhân văn khoa. Sau này, bố biết các thầy đều đậu cao học về các môn nhân văn và nhân chủng học. Đó là văn bằng cao nhất do đại học văn khoa cấp, đến năm 1974 mới có người đậu văn bằng tiến sĩ đầu tiên ở đại học văn khoa Sài Gòn, ban địa lý. Nhắc lại chuyện cũ, không phải bố chê bai hay soi mói các thầy, mà chỉ mong con hiểu hoàn cảnh khó khăn của người Việt mình đã phải trải qua và những công lao các thầy đã đào tạo nên thế hệ mới.

- *Thế các thầy làm thế nào mà bố và các bác bạn bố hiểu được bài giảng?*

- Dù hầu hết các thầy không được đào tạo về phương pháp giảng dạy, nhưng có lẽ các thầy vừa dạy vừa rút kinh nghiệm và áp dụng những gì tiếp nhận được từ các thầy cũ của mình. Và lại, dạy học là một nghệ thuật, khả năng thiên phú của mỗi người rất quan trọng. Bố và các bạn bố say mê với môn giảng văn của thầy Nguyễn Văn Luận. Bố và các bạn bố biết viết câu đúng, viết bài văn chính xác cũng nhờ học ở thầy. Bố và các bạn bố say mê những nét vẽ thật đẹp và rõ ràng trong lúc học vắn vật với thầy Nguyễn Ngọc Quỳnh.

Nhiều giáo sư Chu Văn An chẳng qua một khóa sư phạm nào mà rất nổi tiếng vì thành công trong lãnh vực dạy học, chẳng hạn các thầy Nguyễn Văn Phú (toán), Nguyễn Xuân Nghiên (lý hóa), Trần Bích Lan (triết), ... Học trò ở *cua riêng* (ngày nay là *tutoring, coaching*) của các thầy thường lên đến 120 học sinh mỗi lớp, mà không dễ gì được vào học.

- *Bí quyết của các thầy là gì hả bố?*

- Các thầy đã theo đúng hướng mà những phương pháp giáo dục ngày nay đang theo đuổi: thầy giáo dạy những điều mà học sinh cần, đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ đơn giản đến phức tạp. Các thầy toán, lý, hoá nhấm vào trình độ đa số của học sinh, đó là trình độ trung bình, cùng với những hình vẽ rõ ràng, những lời giải thích dễ hiểu, hợp với trình độ học sinh. Còn về triết học, môn học mới đối với học sinh lớp đệ nhất, rất trừu tượng, thầy Trần Bích Lan dùng những ý niệm rất cụ thể, những từ ngữ rất quen thuộc với đời sống hàng ngày của học sinh khiến học sinh thấy rất gần gũi, không cảm thấy bị hù dọa về những từ ngữ mù mịt như bùa chú. Khi học sinh đã quen với ý niệm mới, thầy mới đưa từ ngữ chuyên môn vào. Thầy nào cũng tạo nên bầu không khí sinh động, thoải mái, vui tươi. Có lúc thầy lôi cuốn học sinh bằng một câu chuyện vô cùng hấp dẫn, khiến học sinh cứ há hốc miệng ra mà nghe, quên cả cái nóng nực, mùi mồ hôi và cả mùi từ các nách của 120 con người chen chúc như cá hộp. Học sinh không biết rằng đó là một cách

lôi cuốn học sinh vào bài. Đó là cách vô cùng khéo léo thu hút học sinh cùng tham gia vào bài học mà ngày nay các thầy cô giáo phải thực hiện nếu muốn bài giảng của mình thành công (*participate*). Cách đây nửa thế kỷ, các thầy đã tự áp dụng những phương pháp giảng dạy mà ngày nay các thầy cô giáo Úc đang cố gắng vươn tới. Các thầy còn thành công ở nhiều mặt mà bố không đủ thời giờ đề cập tới.

Tuy nhiên, bố và bạn bè của bố cũng khổ sở không ít vì phương pháp giảng dạy của một vài thầy. Thầy Đ.N.T. vào lớp chỉ bắt học sinh lấy sách ra gạch dẹt những hàng chữ trong sách cho đến hết giờ, mà chẳng giảng bao nhiêu. Thầy N. dạy lý hóa thì lúc nào cũng nhìn lên trần nhà, chẳng biết học sinh đang say mê với những vắn cờ ca rô hấp dẫn hơn là tưởng tượng ra những thí nghiệm quá khó. Lúc thầy P. dạy toán thì học sinh chỉ yên lặng mà run hơn là hiểu bài. Thầy V. cũng môn toán thì cứ ào ào, chẳng cần biết học sinh có hiểu hay không. Nguyên do tại đâu? Tại đám học trò mất căn bản? Tại học trò không có khả năng về toán, lý, hóa? Tại lớp học quá đông (70 học sinh mỗi lớp)? Đủ cả. Nhưng từ những giờ học mà không hiểu đó, học sinh bắt buộc tìm lối thoát cho riêng mình. Ai có anh, chị là may mắn nhất: về nhà, anh chị sẽ dạy lại. Nhiều bạn của bố đến kỳ nghỉ hè thì đi học thêm để lấy lại căn bản. Nhà nào khá giả thì muốn sinh viên đến nhà dạy kèm. Thường thì bố và các bạn bè bố phải mua sách về nhà tự tìm tòi, học thêm, làm bài tập thêm. Vào thời đó, bố và bạn bè có tinh thần giúp đỡ nhau. Ai bí bài toán nào, không hiểu chỗ nào thì nhờ người giỏi hơn trong lớp chỉ dẫn. Lớp đệ tứ chuẩn bị thi trung học đệ nhất cấp, nên bố và bạn bè của bố phải chuẩn bị kỹ càng hơn. Phương pháp giáo dục ngày nay khuyến khích học nhóm, nhưng chỉ là những nhóm ở trong lớp. Còn bố và bạn bè bố cũng đã học nhóm, nhưng đến một nhà, có khi đến một nơi vắng vẻ, chẳng hạn một ngôi chùa tịch tịch. "*Học thầy không tày học bạn*"; quả đúng như thế. Tự học và học ở bạn là nguyên nhân chính của sự thành công của học sinh Chu Văn An.

Tuy nhiên, hầu hết các thầy xuất thân từ các trường sư phạm đều rất thành công trong ngành dạy học: học sinh học được rất nhiều ở các thầy. Sau khi di cư vào Sài Gòn, trường Chu Văn An đón nhận một số thầy tốt nghiệp ngành cao đẳng sư phạm từ viện đại học Sài Gòn, và sau này cả đại học Huế. Nhớ hai thầy Lưu Trung Khảo và Lê Hữu Phụng.

Thầy Khảo chuyên dạy Việt văn các lớp đệ tứ và đệ nhị. Kiến thức của thầy thật uyên bác. Bố và các bạn của bố khâm phục tài viết chữ Hán thật đẹp của thầy. Thầy kiểm soát học sinh thật kỹ càng. Dù lớp đông hơn 60 học sinh, thầy vẫn hiểu rõ từng người. Lối dạy của thầy tuy trang nghiêm, nhưng không kém dí dỏm. Nhờ học ở thầy, học sinh nắm vững cách viết văn và văn chương Việt Nam, có lợi cho kỳ thi trung học đệ nhất cấp và cả kỳ thi tú tài một vì chương trình quốc văn lớp đệ nhị có nhiều phần giống đệ tứ. Học sinh rất vững tâm khi đi thi. Bố và các bạn bố nhìn thấy thầy là một nhà giáo mẫu mực về mọi mặt.

Thầy Phụng bắt đầu dạy ở Chu Văn An từ niên khóa 1957-58. Thầy là một điển hình của lớp thầy giáo trẻ: gần gũi với học trò. Thầy cho biết thầy mới tốt nghiệp đại học Huế, chuyên về Anh văn. Nhưng khi thầy dạy Việt văn thì học trò lại thích thú với kiến thức sâu rộng từ văn học cho đến tư tưởng, nghệ thuật. Bố và các bạn bố rất ngạc nhiên vì thầy không coi học sinh là lũ trẻ nhỏ, phá phách, nghịch ngợm, mà là những người đủ trình độ để thấu hiểu những lời thầy dạy. Thầy lại coi học trò là những người có ý thức, tự ghi chép, sửa bài mà không cần kỷ luật gò bó. Ngay cả khi học sinh nói chuyện, thầy cũng để tự học sinh nhận thấy lỗi của mình mà tự sửa.

Khi Chu Văn An dời lên Ngã Sáu Chợ Lớn (1961) thì cũng đón nhận một số thầy mới tốt nghiệp đại học sư phạm. Lớp thầy giáo này được đào tạo kỹ càng (ba năm học đại học) và lòng hăng say của tuổi trẻ đã đem lại luồng gió mới cho học sinh. Đó là các thầy Trần Đức An (triết), Đinh Đức Mậu (toán), Nguyễn Văn Long (vạn vật), Phạm Xuân Lương (Anh văn), Nguyễn Đăng Thường

(Pháp văn). Học sinh quý mến các thầy vì hiểu được bài, mọi khó khăn đều được các thầy giải đáp. Học trò học các thầy trong bầu không khí thân mật, không căng thẳng như các thầy thuộc thế hệ trước. Các thầy dạy sinh ngữ có giọng giống Tây, Mỹ hơn -- theo cảm nhận của học trò. Riêng thầy Phạm Xuân Lương trong những giây phút đầu tiên gặp học trò đã cho biết thầy cũng xuất thân từ mái trường Chu Văn An và rất tự hào về Chu Văn An, khiến học trò Chu Văn An vừa vui, vừa hãnh diện về truyền thống Chu Văn An của mình.

- *Chắc phương pháp giảng dạy vào thời đó khác bây giờ nhiều, phải không bố?*

- Đúng thế, vào thời đó, phương pháp chính yếu là thuyết giảng, lớp học tập trung vào ông thầy. Đứng vào vị thế nước Úc ngày nay mà nhìn thì phương pháp đó hoàn toàn lỗi thời. Trong hoàn cảnh nước ta vào thời đó, các thầy không làm gì khác hơn được. Theo truyền thống nho học và của dân tộc Việt Nam, lời thầy là khuôn vàng, thước ngọc, học trò phải tuân theo. Ngoài ra, sách giáo khoa thật hiếm hoi nên lời thầy là mẫu mực, học sinh phải nghe theo. Các thầy dạy sinh ngữ được đào tạo để dạy theo phương pháp thính thị-- phương pháp mới nhất vào thời đó --, nhưng phần phải chạy theo chương trình thi cử, phần vì lớp học đông đảo (trên 60 học sinh), trợ huấn cụ thì không có, thì làm sao các thầy thi thố tài nghệ được, cuối cùng cũng chỉ dùng viên phấn và bảng đen mà thôi.

Nhân nhắc đến trợ huấn cụ, bố cũng nói thêm để con hiểu hoàn cảnh thiếu thốn vào thời đó ra sao. Trường không có thư viện, cũng không có phòng thí nghiệm. Khi bố mới bước vào đệ thất, thầy Đặng Ngọc Thiềm khuyến khích học sinh vào thư viện quốc gia (ở cách trường một cái sân) để mượn sách. Cậu học sinh đệ thất, học trung học rồi, nên được phép đọc truyện tình cảm, những truyện mà ở nhà bố mẹ vẫn cấm vì chưa đến tuổi, đọc có hại cho trẻ nít. Thế là vào các giờ trống và các giờ thầy ốm, học sinh chơi giỡn mãi cũng chán, bèn vào thư viện đọc sách.

Trong hai năm đệ thất và đệ lục, nhờ đọc những sách của Tự Lực Văn Đoàn, Tô Hoài, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan,... học sinh có một số kiến thức về văn xuôi Việt Nam, giúp ích cho lên đệ nhị và đại học văn khoa sau này.

Còn về phòng thí nghiệm, học sinh chỉ biết trong sách và qua lời thầy mô tả. Học khoa học mà học sinh phải vận dụng trí tưởng tượng tối đa. Đến năm 1960, trường xây được một phòng thí nghiệm (sau này là thư viện của đại học su phạm Sài Gòn). Lần đầu tiên học sinh được thấy tận mắt một phòng thí nghiệm, thấy ống nghiệm, hóa chất đổi màu, thật là kỳ diệu. Nhưng học sinh chỉ được nhìn thấy một lần duy nhất trong cuộc đời đi học trung học, vì năm sau trường dọn về trường mới thì lại không có phòng thí nghiệm, tuy phòng ốc khang trang. Mà những thứ đó cũng chẳng cần thiết cho việc học để thi đậu lấy mảnh bằng tú tài một và tú tài hai để vào đại học hay vào trường võ bị quốc gia Đà Lạt.

- *Có lẽ những môn học của bố ngày trước cũng khác những môn con học bây giờ, phải không bố?*

- Có phần đúng, mà cũng có phần sai. Ngày nay, con học tiếng Anh và toán là hai môn chính thì bố và các bạn bố cũng phải học Việt văn và toán trong suốt thời gian trung học. Tuy nhiên, con được chọn vài chục môn học mà ngày xưa không hề có. Trong suốt thời gian trung học, ngoài Việt văn (năm đệ nhất đổi thành triết học) và toán, bố phải học lý, hóa, vạn vật, sử, địa, công dân giáo dục. Môn thể dục học đến năm đệ nhị. Hai môn hội họa và âm nhạc chỉ học ở những năm đệ nhất cấp. Ở bậc đệ nhị cấp, học sinh được chọn môn chính, nghĩa là học môn đó nhiều giờ hơn, và được nhiều điểm hơn (lúc đó gọi là *hệ số*, tương đương với *unit* bây giờ). Ban A (khoa học thực nghiệm) học vạn vật là chính. Ban B còn gọi là ban toán. Ban C là ban văn chương, sinh ngữ. Ban D là ban cổ ngữ, học chữ hán hoặc chữ la tinh, ban này rất ít người học, vào thời bố, trường Chu Văn An không có ban này. Dân Chu Văn An là

dân tán (thiếu chữ o). Lúc bố học có 19 lớp đệ nhất thì 16 lớp ban B, hai lớp ban A, một lớp ban C, nhưng sĩ số vẫn ít hơn lớp bình thường (hơn 60 học sinh).

Việc chia ban rất hợp lý, vì đó là lối thoát tốt cho những học sinh không có năng khiếu về toán, những học sinh không thích môn vạn vật thoát khỏi cực hình phải *gạo* bài, và là môi trường tốt để học sinh có năng khiếu văn chương, sinh ngữ phát triển khả năng của họ.

Đố con biết bố học ban gì?

- *Chắc chắn là ban B như các bác Chu Văn An, phải không bố?*

- Không, bố học ban A. Không phải bố định làm bác sĩ, nha sĩ, mà vì bố dốt toán, không học ban B được. Còn văn chương, sinh ngữ thì bố cũng dở nữa, không học ban C được. Bố đành "*gạo*" vạn vật cho chắc ăn. Như thế, con thấy việc chọn ban đã cho học sinh lựa chọn môn học theo phần nào khả năng của mình, chuẩn bị cho tương lai.

Bố muốn nói về môn học mà ngày nay các trường công lập ở Úc không dạy. Đó là môn *công dân giáo dục*. Môn học này dạy học sinh những điều hay, lẽ phải mà một người từ nhỏ đến lớn phải làm, chẳng hạn bốn phận của con cái đối với cha mẹ, của trò đối với thầy, của người công dân đối với đất nước, ... Ngày nay, ở Úc dư luận vẫn kêu ca vì tình trạng thiếu đạo đức của một số học sinh, nhưng lại chống việc dạy đạo đức trong trường công. Họ nêu lý do trường công tôn trọng nguyên tắc giáo dục tự do, không được hướng học sinh theo một tư tưởng nào, một khuynh hướng nào, mà đạo đức thì phải dựa vào một quan điểm, một triết lý. Trường tiểu học ở tiểu bang New South Wales có dạy *Kỹ năng xã hội (social skills)*, nhưng thời gian rất giới hạn, lại chỉ chú trọng vào kỷ luật của trường, của lớp, những gì người học sinh nên làm, chứ không đặt nặng vai trò đạo đức của học sinh.

Các trường tiểu học ở tiểu bang New South Wales có đề ra việc dạy tôn giáo trong 40 phút mỗi tuần, nhưng phẩm chất chẳng là bao, vì thời gian quá hạn hẹp, học sinh phải

đổi lớp của mình, đi đến một phòng học khác, thời gian di chuyển mất hết mấy phút rồi. Hơn nữa, các trường không có đủ người dạy. Những người đảm trách môn này chỉ là những người trong cộng đồng có hiểu biết về tôn giáo, chứ không có khả năng dạy. Và lại, học sinh nào không theo tôn giáo nào thì được chơi không. Trong sáu môn học chính ở trường tiểu học không đề cập đến những môn này.

Các trường tư ở Úc (thuộc Anh giáo, Công giáo, Hồi giáo) dạy học sinh đạo đức theo quan điểm của tôn giáo. Theo các cuộc nghiên cứu mới đây của một vài viện đại học Úc thì gần đây, số học sinh trường tư ở Úc gia tăng phần vì kết quả cao trong kỳ thi tú tài, phần vì kỷ luật chặt chẽ, phần vì cách uốn nắn học sinh trở thành con người có đạo đức (theo quan điểm tôn giáo). Không dạy đạo đức như một môn học chính thức trong trường công được, thủ hiến Bob Carr trông chờ ở các môn khoa học xã hội (social science) để tạo học sinh thành người công dân của nước Úc và thế giới. Lòng tin cẩn của ông chắc chẳng được được đền bù bao nhiêu, vì các môn khoa học xã hội có tính cách khoa học, ngày nay thầy trò đều nhìn vấn đề dưới con mắt khách quan, học sinh có thể tin hay không tin, tùy thích. Qua môn học, học sinh có thể rút ra những bài học kinh nghiệm, những kiến thức, nhưng không có lời khuyên, không có hướng dẫn cụ thể phải làm gì. Các nguyên tắc đạo đức đòi hỏi con người phải tuân theo và thi hành. Trong môn học *bảo vệ trẻ em (child protection)*, học sinh được thầy cô dạy rất cụ thể em phải làm gì trong trường hợp nào.

- Theo nhận xét của bố, môn công dân giáo dục có thành công không? Theo con nghĩ không thành công, vì con nghe bố kể và qua các bài của các bác, các chú trong hai số đặc san Chu Văn An vừa rồi, học sinh Chu Văn An, con nghĩ chắc có cả bố trong đó, phá phách quá mà.

- Không phải thế đâu con. Phá phách, đùa giỡn chỉ là tính tình bình thường của bất cứ học trò nào, “Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học

trò” mà. Nhưng học sinh Chu Văn An vẫn kính trọng thầy cô, biết dừng lại ở chỗ nào, không đi quá lố. Ở Úc, tình trạng đốt trường xảy ra thường xuyên, chứ học sinh Việt Nam và cả học sinh Chu Văn An chỉ dám khoét lỗ trên bức tường cạm tông để nhìn sang lớp bên kia. Học sinh Chu Văn An ngỗ nghịch lắm chỉ dám bu quanh ngoài cửa sổ nhìn vào cô giáo mới, bóng hồng duy nhất của thế giới đàn ông, chứ không dám thổi cả lô condom thành bong bóng để phá cô giáo như ở Úc.

Trở lại môn công dân giáo dục, theo bố nhận xét, hiệu quả của giáo dục không thể do một môn học đem lại, mà do cả chương trình giáo dục, hệ thống giáo dục, môi trường xã hội, quan niệm của người đời. Đường hướng giáo dục vào thời đó là *dân tộc, nhân bản, khai phóng*. Ngoại trừ những môn khoa học, trong các môn Việt văn, sử, địa, học sinh đều thấy những điều tốt cần phải noi theo chẳng hạn lòng yêu nước, thương dân, những gương trung hiếu tiết nghĩa, lòng thương người, tôn trọng lẽ phải, thiện thắng ác, giá trị tinh thần được đề cao hơn vật chất,... Đến bây giờ bố vẫn còn nhớ nhiều điều học từ gần 50 năm trước. Phương pháp giáo dục ở Việt Nam vào thời đó không nói tới nguyên tắc *phối hợp (integration)* mà ngày nay nền giáo dục Úc áp dụng rất có hiệu quả (mọi môn học đều cùng nhắm vào một chủ đề, chẳng hạn mọi môn học đều nhắm vào thổ dân học, bảo vệ môi trường, hội họa, âm nhạc, ...), nhưng trong thực tế đã thực hiện nguyên tắc này rồi.

Ngoài ra, nếp sống đạo đức của các thầy cũng là những mẫu mực cho học sinh noi theo khiến cho học sinh nhận thấy những điều tốt nhà trường dạy là thực tế, có thể thực hiện được. Vào thời bố đi học, ít thấy trường hợp thầy giáo làm chuyện bậy, chẳng hạn dè gái. Ngay cả mở “cua” riêng cũng bị một vài thầy không chấp nhận, dù các thầy đem công sức ra và giúp ích cho học sinh cần trau dồi thêm. Bố vẫn nghe thầy Lưu Trung Khảo chỉ trích một vài “cua” riêng chỉ nhằm mục đích thương mại, làm tiền học sinh, mà thầy thì chẳng có thực tài gì cả. Còn về đến nhà, cha mẹ nào mà chẳng quan tâm tới việc học của

con cái. Dù cha mẹ không giúp con giải được bài toán hay dịch bài văn từ tiếng Việt sang tiếng Anh, tiếng Pháp, nhưng cha mẹ kiểm soát con cái có làm bài vào buổi tối hay không, về học có đúng giờ hay không. Ngoài ra, xã hội Việt Nam sau những năm di cư là xã hội có kỷ cương, quý trọng thầy giáo, không có tệ nạn tham nhũng, cho nên thanh niên thấy những giá trị đạo đức do nhà trường dạy là mẫu mực mà ai cũng nhắm tới.

Điểm khác biệt giữa nền giáo dục Việt Nam thời của bố, trong đó thể hiện là trường trung học Chu Văn An của bố và nền giáo dục Úc hiện nay là nhà trường Việt Nam đào tạo thanh thiếu niên thành những con người có kiến thức căn bản về mọi lãnh vực, đủ khả năng tiếp tục lên đại học, nhưng có tâm hồn Việt Nam, tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị tinh thần của nhân loại. Còn nhà trường Úc đào tạo thanh thiếu niên trở thành những người công dân có tầm hiểu biết về nhiều lãnh vực, có đầu óc phán đoán, suy xét, phóng khoáng, có khả năng chuyên môn để gia nhập thị trường nhân dụng hoặc tiếp tục học lên những cấp cao hơn, được tự do lựa chọn cách sống.

- Theo bố, đường hướng nào tốt hơn? Việt Nam hay Úc?

- Đường hướng nào cũng có cái hay riêng của nó. Tuy nhiên, bố nhận thấy đường hướng giáo dục Việt Nam trước kia, thời mà bố học ở trường trung học Chu Văn An, đáp ứng được cả nhu cầu kiến thức lẫn tinh thần của con người. Nền giáo dục Úc đào tạo con người có tự do, có kiến thức sâu rộng, nhưng nếu không có đạo đức, con người sẽ dùng kiến thức, kỹ năng của mình để làm thiệt hại cho người khác. Trong nhà trường Úc, quan hệ tình dục bất chính giữa thầy cô giáo và học trò trở nên vấn đề trầm trọng trong nhà trường nên bộ giáo dục đặt nặng vấn đề bảo vệ trẻ em. Họ chỉ chữa cái ngọn, mà không chữa tận gốc của vấn đề: đó là đức hạnh của con người. Một cậu học sinh mười mấy tuổi có khả năng computer cao, lại dùng khả năng của mình vào việc phá hoại các computer

của người khác. Việc đem súng vào trường học bắn loạn xạ như ở Hoa Kỳ mà đôi khi học sinh Úc cũng bắt chước cũng có nguyên nhân là *có học nhưng không có hạnh*.

Cha mẹ học sinh Úc chống đối việc dạy đạo đức ở nhà trường là không hợp lý. Dù học sinh được tự do tư tưởng, nhưng học sinh cần được hướng dẫn về cái thiện, cần được biết những quan niệm khác nhau về đạo đức. Nếu được thầy cô giáo hướng dẫn, học sinh vẫn nhận ra những nguyên tắc căn bản về đạo đức. Những điều thầy cô giáo dạy có hiệu quả rất rõ ràng, chẳng hạn vấn đề bảo vệ thiên nhiên, học sinh nào mà chẳng thấy quan trọng, ngoại trừ một vài chính trị gia hay các ông chủ hãng xướng. Ngày nay, học sinh nào mà chẳng thấy hút thuốc, uống rượu là có hại, ngoại trừ một vài ông bố thuộc loại nghiện nặng.

Nếu bộ giáo dục tiểu bang nhất quyết thực hiện, họ vẫn thành công, cụ thể là môn học *bảo vệ trẻ em (child protection)*. Mặc dù gặp sự chống đối của nhiều phụ huynh Úc và Ả Rập (nhưng hầu hết phụ huynh Việt Nam, cũng như các nước Á Đông khác đều ủng hộ), bộ giáo dục tiểu bang New South Wales vẫn tiến hành việc giảng dạy môn này bằng cách yêu cầu phụ huynh ký vào giấy đủ chấp thuận hay không cho con học.

Ngoài ra, sự chống đối của giới thầy cô giáo cũng là trở ngại đáng kể. Các thầy cô giáo luôn luôn than phiền rằng càng ngày khối lượng công việc càng nhiều. Mười năm trước, thầy cô giáo đâu phải bận tâm tới vấn đề bảo vệ trẻ em. Hai mươi năm trước, thầy cô giáo đâu phải dạy computer. Ba mươi năm trước, vấn đề bảo vệ môi sinh không được quan tâm cho lắm. Trong thời đại mới, cập nhật hóa nhu cầu của học sinh về khoa học, kỹ thuật là cần thiết, dù trở ngại thế nào đi chăng nữa, bộ giáo dục tiểu bang NSW cũng đã thực hiện được, với những giờ học thích hợp. Còn *toàn cầu hóa (globalisation)* là một thực thể của thế giới ngày nay mà học sinh phải được hiểu rõ, và chương trình giáo dục của tiểu bang NSW cũng đã thành công khi

đưa ý niệm này vào môn khoa học xã hội, và cùng *phối hợp* với các môn học khác.

Ba nêu những thí dụ trên để con thấy không có gì mà mình không thể làm được cả. Đạo đức là nền tảng của con người, phải được dạy cho học sinh từ cấp nhỏ nhất. Ông bà chúng ta dạy rằng *“dạy con từ thuở còn thơ”* chẳng có gì sai cả.

- *Thưa ba, nếu yêu cầu dạy đạo đức ở trường học thì áp lực về khối lượng của thầy cô giáo, bài vở của học sinh ngày càng nặng nề thêm.*

- Không đâu con. Không có nghề nào cố định, mà phải thay đổi với thời gian.

Tùy theo mình chọn lựa dữ kiện, sắp xếp thời giờ thì mọi chuyện đều vượt qua được. Bố còn nhớ câu nói của ông Nguyễn Bá Học, lúc bố học môn giảng văn ở năm đệ thất Chu Văn An: *‘Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà chỉ khó vì lòng người ngại núi e sông.’*

- *Sao bố cứ hay nhắc đến những lời nói của ông này, ông nọ, từ xa xưa xa xưa, lạ hoắc, mà không nhắc tới những người thời nay?*

- Tư tưởng của người xưa đã tồn tại qua thời gian, hẳn có giá trị hơn những gì của ngày nay chứ. Khi nhắc lại những lời hay ý đẹp của người xưa, từ đông sang tây, bố muốn con nhận ra được một trong những khác biệt giữa việc học vào thời bố và bây giờ: ngày nay thầy cô giáo không làm điều này.

- *Cám ơn ba đã cho con biết nhiều điều hay. Con còn nhiều thắc mắc về nhiều vấn đề xã hội mong được bàn với ba.*

- Ba rất vui cùng bàn với con những vấn đề con nêu ra.

Nhìn lại trường xưa, thầy cũ không phải là tò mò, bói móc, kém kính trọng các thầy, mà là nhìn lại những công sức các thầy đã xây dựng cho học trò, những thành quả

mà các thầy đã tạo dựng cho nền giáo dục Việt Nam trước khi miền đất gọi là Việt Nam Cộng Hòa bị xóa sổ. Trong buổi liên hoan 40 năm kỷ niệm ngày rời trường do *Chu Văn An 1956-63* tổ chức tại Hoa Kỳ năm 2003, thầy Nguyễn Văn Luận đã chân thành nói với học trò rằng khi bước chân vào nghề dạy học, thầy nghĩ rằng chỉ tìm một nghề để kiếm cơm thôi, nhưng sau này mới nhận ra đó là một nghề cao quý.

* **trần thế đức**